

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2024/DS-ST

Ngày: 20/09/2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng

vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Lê Thị Bé Bảy**.
- Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Anh **Huỳnh Vũ L**, sinh năm 1995 trú tại ấp T, xã V, huyện, tỉnh Bạc Liêu là người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thị Hồng D** (Văn bản ủy quyền số 3547 ngày 14/05/2024). (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: B, Ấp M, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1968. (Có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh Nam Định.

Anh **Châu Ngọc Thanh S**, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: P, xã N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 14/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D - Đại diện theo ủy quyền anh Huỳnh Vũ L trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 28/07/2023 chị D có cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 04 tháng từ

ngày 28/07/2023 đến ngày 28/11/2023. Để đảm bảo cho việc vay tiền của chị H có giao cho chị D giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06495 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/01/2023. Đến ngày 05/04/2024, chị H tiếp tục vay chị D số tiền 60.000.000 đồng và chị H hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả lại đầy đủ số tiền đã mượn từ trước đến nay. Nhưng đã quá thời hạn trả tiền nêu trên nhưng chị H vẫn không trả tiền cho chị D.

Nay chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho chị D tổng số tiền nợ vay là 560.000.000 đồng. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi chị Nguyễn Thị H trả đủ số tiền nợ 560.000.000 đồng cho chị D thì chị D sẽ giao lại cho chị Nguyễn Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06495 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/01/2023.

*** Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 16/08/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị Nguyễn Thị H trình bày chị H không biết chị Nguyễn Thị Hồng D là ai. Chị H chỉ biết anh Châu Ngọc Thanh S (sau này chị mới biết anh S là chồng của chị D), người giao tiền cho chị nhận trực tiếp là anh S đưa tiền cho chị nhận.

Chị Nguyễn Thị H khẳng định do cần vốn làm ăn nên chị có nhờ anh Châu Ngọc Thanh S (là người làm tại Ngân hàng H) đứng ra thẩm định dùm miếng đất của chị tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gần bệnh viện). Anh S có đưa cho chị nhận một lần số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 28/07/2023, anh S có nói số tiền này anh S vay dùm của người khác đưa lại cho chị nhận. Chị H có ký tên vào tờ biên nhận mượn tiền ngày 28/07/2023, chị H thừa nhận và xác định tờ giấy mượn tiền ngày 28/07/2023 mà anh Huỳnh Vũ L cung cấp bản gốc cho Tòa án là chữ ký tên và viết tên của chị H ký và viết tên. Lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, chị H có đóng tiền lãi hàng tháng cho anh S nhận là 30.000.000 đồng/tháng từ tháng 07/2023 đến tháng 02/2024 thì chị ngưng không còn khả năng đóng lãi cho anh S nữa. Chị H giao số tiền lãi đóng trực tiếp cho anh S nhận, hai bên không có làm biên nhận giao nhận số tiền lãi chị đóng hàng tháng cho anh S.

Chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký tên và chữ viết tên trong Giấy mượn tiền ngày 05/04/2024 mà anh Huỳnh Vũ L cung cấp bản gốc cho Tòa án là chữ ký tên và viết tên của chị H. Nhưng chị H khẳng định chị không có nhận số tiền 60.000.000 đồng này mà chị chỉ có nhận một lần duy nhất số tiền 500.000.000 đồng do anh S giao cho chị ngày 28/07/2023.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng D thì chị H chỉ thống nhất có mượn số tiền 500.000.000 đồng và chị H có đề nghị gặp mặt anh S để thương lượng. Chị H xin tính lại số tiền lãi mà chị đóng hàng tháng cho anh S nhận. Do làm ăn có khó khăn nên chị H có ý kiến trả dần hàng tháng cho đến hết số tiền nợ nhưng khả năng trả dần hàng tháng bao nhiêu thì chị chưa có biết nên không có hứa. Còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06495 do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh T cấp ngày 06/01/2023 mà chị giao cho anh S nhận nếu kêu bán được với giá hợp lý thì chị kêu bán để trả nợ cho anh S.

*** Tại Bản tự khai ngày 20/08/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Châu Ngọc Thanh S trình bày:**

Anh Châu Ngọc Thanh S là chồng của chị Nguyễn Thị Hồng D. Anh S xác nhận có quen biết với bà Nguyễn Thị H. Trước đây vào năm 2023, bà H cho biết do cần tiền để xoay xở làm ăn (khoảng trên 500.000.000 đồng) nên bà H có nhờ anh Sơn giới thiệu người cho bà H mượn tiền. Do đó, anh S có giới thiệu chị Nguyễn Thị Hồng D cho bà Nguyễn Thị H để hai người tự gặp mặt trao đổi và giao dịch ký kết hợp đồng với nhau. Anh S hoàn toàn không có can thiệp các giao dịch giữa hai người. Hiện tại không có bất kỳ giấy tờ tài liệu nào để chứng minh là anh có cho bà H mượn tiền. Nếu như bà H tự nguyện cho rằng bà H còn có nợ anh một khoản tiền nào khác thì anh S đề nghị ghi nhận bằng biên bản để sau này anh S có căn cứ khởi kiện bà Hạnh trả lại tiền cho anh theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại B, Ấp M, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Châu Ngọc Thanh S có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Châu Ngọc Thanh S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị N.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D - Đại diện theo ủy quyền anh Huỳnh Vũ L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho chị D tổng số tiền nợ vay là 560.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, chị Nguyễn Thị Hồng D - Đại diện theo ủy quyền anh Huỳnh Vũ L đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Giấy mượn tiền ngày 28/07/2023, 01 bản gốc Giấy mượn tiền ngày 05/04/2024. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D khẳng định Giấy mượn tiền ngày 28/07/2023 và Giấy mượn tiền ngày 05/04/2024 do chị Nguyễn Thị H ký tên và viết tên.

[4] Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 16/08/2024 và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký tên và viết tên Nguyễn Thị H trong Giấy mượn tiền ngày 28/07/2023 là của chị H viết tên và ký tên. Chị Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký tên và viết tên Nguyễn Thị H trong Giấy mượn tiền ngày 05/04/2024 là của chị H viết tên và ký tên.

[5] Trong Biên nhận nợ ngày 28/07/2023 thể hiện rõ nội dung Bên A: Bên cho mượn tiền bà Nguyễn Thị Hồng D; địa chỉ G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang. Bên B: Bên mượn tiền là bà Nguyễn Thị H; địa chỉ 124B, Tổ 11C, Ấp 1, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Bên B là bà Nguyễn Thị Hạnh đồng ý mượn của Bên A bà Nguyễn Thị Hồng Diễm số tiền là 500.000.000 đồng. Thời hạn mượn tiền là 04 tháng từ ngày 28/07/2023 đến ngày 28/11/2023.

Nhận thấy trong biên nhận nợ ngày 28/07/2023 không có dòng chữ nào thể hiện nội dung anh Châu Ngọc Thanh Sơn (chồng của chị Nguyễn Thị Hồng Diễm) có cho chị Nguyễn Thị Hạnh mượn số tiền 500.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận về tiền lãi với mức lãi suất 6%/tháng, mỗi tháng đóng 30.000.000 đồng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hạnh tại phiên tòa hôm nay.

[6] Trong Biên nhận nợ ngày 05/04/2024 thể hiện rõ nội dung Bên A: Bên cho mượn tiền bà Nguyễn Thị Hồng Diễm; địa chỉ 73/1, Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Bên B: Bên mượn tiền là bà Nguyễn Thị Hạnh; địa chỉ B, Ấp M, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang. Bên B là bà Nguyễn Thị H đồng ý mượn của Bên A bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền là 60.000.000 đồng. Thời hạn mượn tiền là 01 tháng từ ngày 05/04/2024 đến ngày 04/05/2024.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H thừa nhận có ký tên viết tên Nguyễn Thị H trong Biên nhận ngày 05/04/2024 nhưng chị H cho rằng chị không có nhận tiền số tiền 60.000.000 đồng tại Biên nhận ngày 05/04/2024 như đã nêu trên là không có căn cứ. Chị Nguyễn Thị H ký và viết tên trong Biên nhận ngày 05/04/2024 thì chị phải chịu trách nhiệm về chứng cứ mà chị H đã thừa nhận có ký tên và viết tên Nguyễn Thị H trong Biên nhận nợ ngày 05/04/2024 như đã nêu trên.

[7] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày chị đã đóng 08 tháng tiền lãi với mức lãi suất 6%/tháng cho anh Châu Ngọc Thanh S (là chồng của chị Nguyễn Thị Hồng D) mỗi tháng là 30.000.000 đồng nhưng đây chỉ là lời trình

bày của chị H. Chị Nguyễn Thị H không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở nên không được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu cho Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ vay là 560.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, chị Nguyễn Thị H là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ không trả nợ cho chị Nguyễn Thị Hồng D. Nay chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền nợ 560.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do chị Nguyễn Thị H đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ nên cần buộc chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hồng D khi chị D nhận đủ số tiền nợ thì chị Nguyễn Thị Hồng D trả lại chị Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06495 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/01/2023.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng D. Buộc chị Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hồng D khi chị Nguyễn Thị Hồng D nhận đủ số tiền nợ thì chị Nguyễn Thị Hồng D trả lại chị Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06495 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/01/2023.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.400.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006194 ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M.
- Chi cục THADS. TP M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo